

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường  
xuyên các đơn vị hành chính và sự nghiệp từ ngày 01/01/2009.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật ngân sách số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ V/v Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của Hội đồng nhân dân Tỉnh V/v Điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị hành chính và sự nghiệp năm 2009 của tỉnh;

Theo đề nghị của Liên sở Tài chính-Nội vụ tại Tờ trình số 2580/TTLS.TC-NV ngày 11/11/2008 và đề nghị của sở Tài chính tại công văn số 2964 A/STC-NS ngày 18/12/2008,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ ngày 01/01/2009, cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi các đơn vị hành chính:

1. Điều chỉnh định mức chi các đơn vị quản lý nhà nước và đoàn thể chưa thực hiện khoán chi .

a), *Cấp tỉnh* : Định mức cũ: 34tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 41tr/bc/năm.

b), *Cấp huyện* : Định mức cũ: 33tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 40tr/bc/năm.

c), *Riêng huyện Côn đảo* : Định mức cũ: 50tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 57tr/bc/năm.

2. Điều chỉnh định mức chi các đơn vị hành chính và đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện đã thực hiện khoán chi.

Định mức cũ là: 38 tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 47tr/bc/năm. Riêng huyện Côn đảo là: 67tr/bc/năm.

Xác định theo tỷ lệ cũ (theo QĐ 2182/2006/QĐ.UBND ngày 26/7/2006 của UBND Tỉnh V/v Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007) nghĩa là định mức phân bổ cho sự nghiệp giáo dục vẫn tính theo cơ cấu tỷ lệ chi cho con người là: 78% (tiền lương và các khoản trích theo lương) và chi hoạt động thường xuyên là 22%. Riêng các trường: Trung học phổ thông; Các trường chuyên biệt (Trường chuyên Lê Quý Đôn; Trường phổ thông dân tộc nội trú; Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật Bà Rịa; Trường khiếm thị hữu nghị Tân thành), các Trung tâm giáo dục thường xuyên (bao gồm cả TTGDTX hướng nghiệp và không bao gồm các đơn vị tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động) đề nghị được bổ sung thêm 2tr/bc/năm (để đảm bảo kinh phí mua sắm vật tư, hoá chất phục vụ dạy học và chi phí điện, nước).

I. Điều chỉnh định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

II. Điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp:

co tham quyền ban hành đến 31/12/2008.  
 II. Điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp:  
 1. Điều chỉnh định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

- Định mức trên đã bao gồm các khoản chi do chế độ của Trung ương và địa phương làm tăng chi như: Công tác phí, hội nghị, tiếp khách trong nước, chi hoạt động công tác Đảng của các tổ chức Đảng các cấp theo Thông tư liên tịch 225/2004/TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/04/2004, các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên và những chế độ chi thường xuyên khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành đến 31/12/2008.  
 - Đối với cơ quan Thanh tra Nhà nước được tính thêm 20%(để chi cho các chế độ riêng của ngành) so với định mức áp dụng cho cơ quan Quản lý nhà nước đồng cấp.

sách nêu trên.

- Đối với các đơn vị có ít biên chế được tính thêm kinh phí, cụ thể như sau: Đơn vị có từ 10 đến 19 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có từ 6 đến 9 biên chế được tính thêm 10%; đơn vị có từ 5 biên chế trở xuống được tính thêm 15% định mức chi hành chính nêu trên; đối với Cơ quan Đảng có biên chế ít chi áp dụng tính thêm kinh phí đối với phần chi thường xuyên (Không tính phần chi đặc thù).  
 - Đối với cơ quan Thanh tra Nhà nước được tính thêm 20%(để chi cho các chế độ riêng của ngành) so với định mức áp dụng cho cơ quan Quản lý nhà nước đồng cấp.

6. Một số trường hợp được tính thêm kinh phí ngoài định mức phân bổ ngân sách nêu trên.

Định mức điều chỉnh từ 17tr/bc/năm lên 21tr/bc/năm.  
 b), Đối với các đơn vị thực hiện khoán chi:  
 Định mức điều chỉnh từ 24tr/bc/năm lên: 29tr/bc/năm.  
 a), Đối với đơn vị chưa thực hiện khoán chi:  
 Định mức điều chỉnh từ 24tr/bc/năm lên: 29tr/bc/năm.

5. Đối với các đơn vị cấp Xã, Phường, Thị Trấn(gọi chung là Xã):

là:126tr.d/bc/năm.  
 Định mức cũ là 80tr/bc/năm nay điều chỉnh lên 90tr/bc/năm .  
 b), Cấp huyện: Định mức cũ là 80tr/bc/năm nay điều chỉnh lên 90tr/bc/năm .  
 c),Riêng huyện Con đảo: Định mức cũ là 99tr.d/bc/năm nay điều chỉnh lên 106tr/bc/năm .  
 a), Cấp tỉnh: Định mức cũ là 105tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 118tr/bc/năm.

4. Điều chỉnh định mức của cơ quan Đảng đã thực hiện khoán chi.

là:109tr.d/bc/năm.  
 Định mức cũ là 87tr.d/bc/năm nay điều chỉnh lên 95tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 106tr/bc/năm .  
 b), Cấp huyện: Định mức cũ là 70tr/bc/năm nay điều chỉnh lên 78tr/bc/năm .  
 c),Riêng huyện Con đảo: Định mức cũ là 87tr.d/bc/năm nay điều chỉnh lên 95tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 106tr/bc/năm .  
 a), Cấp tỉnh: Định mức cũ là 95tr/bc/năm nay điều chỉnh lên: 106tr/bc/năm .

3. Điều chỉnh định mức của cơ quan Đảng chưa thực hiện khoán chi.

**2. Định mức phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp còn lại:**

- Đối với các đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí: Ngân sách bổ sung kinh phí tăng thêm 6tr/bc/năm.
- Đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí: Ngân sách bổ sung kinh phí tăng thêm 4,5tr/bc/năm.
- Đối với các đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động : Không bổ sung tăng thêm kinh phí chi hoạt động.

**Điều 2.** Ngoài định mức trên các đơn vị hành chính, sự nghiệp(không bao gồm các đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động) được tính điều chỉnh tăng lương do Chính phủ điều chỉnh tăng lương cơ bản từ 350.000đ lên 540.000đ để xác định mức khoán chi cho từng đơn vị, cụ thể:

- Các đơn vị hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện được công thêm 09 tr.đ/bc/năm. Riêng huyện Côn đảo công thêm 17tr.đ/bc/năm.
- Cấp xã chưa thực hiện khoán chi được công thêm 07tr.đ/bc/năm; cấp xã đã thực hiện khoán chi được công thêm 05tr.đ/bc/năm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và đầu tư; Kho bạc nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan ; Chủ tịch UBND các Huyện, Thị, Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K.T. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nơi nhận:** *Vn*

- VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Bộ Tư pháp (*Cục KTVB*);
- TTr. Tỉnh ủy (*để B/c*).
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- TTr. HĐND Tỉnh (*để B/c*).
- CT, các PCT và các uỷ viên UBND Tỉnh;
- Như điều 4;
- Các tổ chức đoàn thể cấp Tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo BR-VT;
- Website CP; TT công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH. *72*.

**Hồ Văn Niên**